

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 3 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thọ.
2. Bà Hoàng Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị L; sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn D; sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là bà Lý Thị L trình bày:

Bà Lý Thị L và ông Trương Văn D chung sống với nhau thành vợ chồng từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể là năm 2003 bà L đẻ con gái đầu lòng, đến năm 2004 bà L mang thai con thứ hai, khi đi siêu âm biết giới tính là con gái thì ông D không quan tâm đến vợ nữa, không đưa vợ đi đẻ. Một mình bà L với đứa con đầu hơn một tuổi, trong cơn đau vật vã không cứu được đứa con chưa chào đời. Mất đi con thứ hai, ông D bắt bà L tiếp tục canh

đến khi nào có con trai mới thôi. Sau đó, bà L tiếp tục đẻ hai con gái. Thất vọng vì chưa có con trai, ông D lao vào đàn đúm ăn chơi, cờ bạc, gái gú, rượu chè say xỉn về nhà giày vò bà L. Đến năm 2015, bà L đẻ được một con trai; tuy nhiên trong thời gian bà L ở cữ con nhỏ không ra ngoài lao động được, ông D lại giờ thói vũ phu, đánh đập bà L. Tháng 5 năm 2022, con gái bà L đẻ, cháu nhỏ bị ốm nên bà L đi xuống viện ở Hà Nội chăm cháu được 02 tuần, lúc về ông D đốt hết quần áo không cho bà L vào nhà. Thời gian sau đó, ông D có nhiều hành vi bạo lực với bà L như bóp cổ, tát, chửi rủa; mùa giáp hạt bà L đi vay ít gạo về nấu, ngâm để đó chưa kịp nấu thì ông D bê đi đổ cho lợn ăn, bỏ đói mẹ con bà L. Đầu tháng 8 năm 2023, bà L đang ngủ thì ông D lấy then cửa chọc mắt cá chân bà L làm chảy máu, bà L phải đi phòng khám rửa vết thương và tiêm cầm máu, hơn 10 ngày sau mới đi lại được. Khoảng hơn 23 giờ ngày 27/9/2023, bà L đang ngủ thì ông D dẫn thêm 03 người về, bắt bà L dậy mở gà cho họ uống rượu nhưng bà L không làm. Họ tự mở gà uống rượu đến 02 giờ 30 phút thì gọi bà L dậy cất mâm, sau khi cất xong thì tất cả cùng ngủ tại nhà bà L. Khi bà L đang ngủ say thì ông D dùng vật sắc cửa vào mắt bà L làm chảy máu; bà L phản kháng lại thì bị ông D đập vào bụng; bà L dùng hết sức đẩy ông D ngã xuống sàn va vào một trong ba người ngủ lại, họ tỉnh giấc can ngăn thì bà L mới thoát được. Bà L gọi điện cho Công an xã đến giải quyết; công an giám sát bắt ông D đeo bà L ra trạm y tế xã rửa vết thương và khâu 6 mũi. Vì thương con mà bà L cố sức chịu đựng bao năm nay, nhưng đến nay thấy quá sức chịu đựng nên bà L xin ly hôn ông D.

Trong quá trình chung sống, bà L và ông D có bốn con chung là Trưởng Thị T, sinh ngày 01/3/2003 (đã lập gia đình), Trưởng Thị Đ, sinh ngày 10/12/2006, Trưởng Thị N, sinh ngày 10/8/2007, Trưởng Văn B, sinh ngày 26/3/2015. Bà L muốn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chưa thành niên là Trưởng Thị Đ, Trưởng Thị N và Trưởng Văn B, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản, công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, bà L xin chịu theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn là ông Trưởng Văn D trình bày:

Ông Trưởng Văn D và bà Lý Thị L chung sống với nhau thành vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do con gái tên Trưởng Thị N sinh con, không may bị tràn nước ối vào phổi và phải đi bệnh viện ở Hà Nội chữa trị; bà L đi chăm sóc hơn 15 ngày ở Hà Nội. Sau đó, ông D có trao đổi với bên nhà chồng của N cho người xuống thay bà L chăm sóc nhưng nhà chồng N không cho người xuống thay. Sau đó, vợ chồng ông D cãi nhau và N nói với ông D là mẹ không về nữa mà ở đây đi làm thuê luôn. Sau đó bà L vẫn về và tổ chức đám cưới cho con. Bà L chính thức bỏ đi từ ngày nào thì ông D không nhớ nhưng cũng khoảng 04 tháng, tính đến tháng 01 năm 2024. Ông D không liên lạc được vì bà L đã chặn số điện thoại của ông D. Ông D có đến gặp bà L tại nhà bố mẹ đẻ của bà L tại xã Y để nói chuyện và khuyên bảo bà L về

nhà nhưng bà L không chịu. Đến nay, ông D thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn khắc phục mâu thuẫn và tiếp tục chung sống với nhau, để cùng nhau nuôi dạy con cái, nên ông D không nhất trí ly hôn. Về con chung thì như bà L đã trình bày. Do ông D không nhất trí ly hôn nên không đề cập đến việc giải quyết về con chung, tài sản, công nợ chung.

Ba người con chung chưa thành niên của bà Lý Thị L và ông Trương Văn D đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa:

Bà L trình bày không còn tình cảm với ông D; bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày trước đó.

Ông D thừa nhận có được đánh bà L vào thời điểm tháng 8 năm 2023, dẫn đến công an phải đến giải quyết và bà L phải khâu 6 mũi. Ngoài ra, trước đó ông cũng có hai hoặc ba lần đánh bà L khi giữa hai người xảy ra cãi nhau, nhưng không nhớ thời gian cụ thể. Nhưng ông D trình bày là vẫn còn tình cảm với bà L nên vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày trước đó đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 6, 26 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Thị L và ông Trương Văn D. Về con chung, đề nghị giao 03 con chung chưa thành niên là Trương Thị Đ (con gái), sinh ngày 10/12/2006, Trương Thị N (con gái), sinh ngày 10/8/2007, Trương Văn B (con trai), sinh ngày 26/3/2015 cho bà Lý Thị L trực tiếp nuôi, ông Trương Văn D không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: Bà Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002280 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình; bà Lý Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Được thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lý Thị L khởi kiện ông Trương Văn D, có địa chỉ tại thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang về việc xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tuy khai về năm bắt đầu chung sống thành vợ chồng khác nhau, bà L khai là năm 2001 và ông D khai là năm 2000, nhưng cả hai đều thừa nhận là có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn của vợ chồng thì bà L khai nhiều lần bị ông D đánh và ông D cũng thừa nhận có nhiều lần đánh bà L. Tuy hai bên khai khác nhau về thời điểm phát sinh mâu thuẫn, số lần và nguyên nhân ông D đánh bà L nhưng đều thể hiện có việc ông D nhiều lần đánh bà L và giữa hai người đã có mâu thuẫn không giải quyết được, đã sống ly thân một thời gian. Dù ông D muốn quay về đoàn tụ nhưng bà L kiên quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn trầm trọng, không giải quyết được, bà L không còn tình cảm với ông D nữa.

[3] Bà Lý Thị L và ông Trương Văn D chung sống thành vợ chồng sau ngày 03/01/1987 (thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến nay, khi bà L xin ly hôn ông D thì Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực và bà L, ông D vẫn không đăng ký kết hôn. Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”* và *“Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*. Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Theo khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”*.

[4] Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên, Hội đồng xét xử thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Thị L và ông Trương Văn D.

[5] Về con chung: Con chung là Trương Thị T, sinh ngày 01/3/2003, đã trên 18 tuổi, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động; đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét đến. Đối với ba người con chưa thành niên còn lại, bà L muốn là người trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng cho con. Ông D không nhất trí ly hôn nên ông không đề cập đến việc giải quyết về con chung. Ba người con chung chưa thành niên của bà L, ông D đều có ý kiến là nếu bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, căn cứ các điều 15, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình để giao các con chưa thành niên là Trương Thị Đ (con gái), sinh ngày 10/12/2006, Trương Thị N (con gái), sinh ngày 10/8/2007, Trương Văn B (con trai), sinh ngày 26/3/2015 cho bà L trực tiếp nuôi, ông D không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông D không đề cập đến. Do đó, Tòa án không xem xét vấn đề này.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 6, 26 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Thị L và ông Trương Văn D.

2. Về con chung: Giao các con chưa thành niên là Trương Thị Đ (con gái), sinh ngày 10/12/2006, Trương Thị N (con gái), sinh ngày 10/8/2007, Trương Văn B (con trai), sinh ngày 26/3/2015 cho bà Lý Thị L trực tiếp nuôi, ông Trương Văn D không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Lý Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002280 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình; bà Lý Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng